

Số: 1299/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy phép thành lập và công nhận
Điều lệ Quỹ Nhân ái người cao tuổi

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Xét đề nghị của các sáng lập viên thành lập Quỹ Nhân ái người cao tuổi, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ Nhân ái người cao tuổi ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quỹ Nhân ái người cao tuổi hoạt động theo Điều lệ của Quỹ được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận, tuân thủ quy định của pháp luật, Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan theo quy định của pháp luật trong phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

Quỹ Nhân ái người cao tuổi có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự lo kinh phí, trụ sở và phương tiện hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Nhân ái người cao tuổi, Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Lưu VT, TCPCP, N()

KT. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Đinh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ NHÂN ÁI NGƯỜI CAO TUỔI

Được công nhận kèm theo Quyết định số 1299/QĐ-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Quỹ Nhân ái người cao tuổi.
2. Tên giao dịch tiếng Anh: Charity Fund for the Elderly.
3. Tên viết tắt: CFE

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Quỹ

1. Quỹ Nhân ái người cao tuổi (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ từ thiện, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận trên nguyên tắc tự tạo vốn từ nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên, các nguồn vận động tài trợ và đóng góp hoàn toàn tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hoạt động nhằm mục đích nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng, xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi, đặc biệt là người cao tuổi cô đơn, tàn tật, không nguồn thu nhập. Quỹ phối hợp với các loại hình trợ giúp người cao tuổi dựa vào cộng đồng như mô hình nhà xã hội, nhà dưỡng lão, nhà điều dưỡng - phục hồi chức năng, trung tâm chăm sóc ban ngày, dịch vụ chăm sóc tại nhà và bệnh viện góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho người cao tuổi đồng thời đẩy mạnh việc xã hội hoá các hoạt động trợ giúp người cao tuổi phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc, phạm vi hoạt động, địa vị pháp lý và trụ sở của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc:
 - a) Không vì mục đích lợi nhuận;

b) Tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;

c) Quỹ hoạt động theo Điều lệ của Quỹ được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận, tuân thủ pháp luật, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành liên quan về lĩnh vực Quỹ hoạt động.

2. Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc.

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản nội tệ và ngoại tệ tại ngân hàng, có biểu tượng riêng theo quy định của pháp luật.

4. Trụ sở chính đặt tại: Tổ 14, phường Đồng Mai, quận Hà Đông, Hà Nội; điện thoại: 04.35539946, fax 04.35540881; Website: www.vienduonglao.vn

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ

Quỹ có 03 sáng lập viên thành lập Quỹ gồm các ông (bà):

1. Bà: **Phạm Thị Phương Lan**

Sinh ngày: 15/9/1976 tại Yên Bái.

Quê quán: Ninh Bình

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

CMTND số: 012369038 do Công an Hà Nội cấp ngày 19/12/2000.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 14, thôn Công, Đồng Mai, Hà Đông, TP Hà Nội.

2. Ông: **Phạm Văn Đồng**

Sinh ngày: 29/6/1981 tại Hà Nội.

Quê quán: Ninh Bình.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

CMTND: 111477930 do Công an Hà Nội cấp ngày 07/5/1997.

Hộ khẩu thường trú: Thôn Trung Văn, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội.

3. Bà: **Nguyễn Thị Thu Đông**

Sinh ngày: 20/5/1976 tại Quảng Bình.

Quê quán: Quảng Bình.

Dân tộc: Kinh.

Quốc tịch: Việt Nam.

CMTND số: 013376481 do Công an Hà Nội cấp ngày 26/01/2011.

Hộ khẩu thường trú: P 910 Ngõ 7B bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt,
Hoàng Mai, Hà Nội.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ**

Điều 5. Chức năng

1. Sử dụng nguồn vốn ban đầu do các sáng lập viên thành lập Quỹ đóng góp và các nguồn lực khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ người cao tuổi, giúp người cao tuổi có được các quyền của họ, vượt lên sự phân biệt đối xử về tuổi tác và vượt qua đói nghèo, để người cao tuổi hưởng đến một cuộc sống gương mẫu, an toàn, năng động, mạnh khỏe và có nhiều đóng góp cho xã hội.

2. Hoạt động của Quỹ nhằm góp phần để mọi người hiểu rõ hơn vai trò của người cao tuổi trong xã hội và người cao tuổi được thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ xã hội.

3. Thực hiện tài trợ theo ủy nhiệm của các cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế, các dự án tài trợ có địa chỉ trên cơ sở phù hợp với tôn chỉ, mục đích Quỹ và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Hoạt động theo đúng Điều lệ Quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận. Khai thác, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả các nguồn tiền và tài sản huy động vào Quỹ.

2. Trong quá trình hoạt động, Quỹ hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, của tổ chức, cá nhân tài trợ và của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động quyên góp, vận động tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước hỗ trợ theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và theo quy định của pháp luật.

4. Hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi trên cơ sở xây dựng mối quan hệ với các tổ chức, đối tác có cùng sự quan tâm vì sự phát triển của người cao tuổi. Lựa chọn nhà tài trợ, chương trình, dự án phù hợp với chức năng và tôn chỉ mục đích của Quỹ, thông báo và trao đổi ý kiến với tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Tiếp nhận sự tài trợ, giúp đỡ, đóng góp bằng tiền hoặc tài sản của cơ quan, tổ chức, nhà hảo tâm trong nước và bạn bè quốc tế trên cơ sở phù hợp với tôn chỉ, mục đích và chức năng của Quỹ.

6. Quỹ xây dựng và thực hiện các chương trình hỗ trợ và sử dụng tiền, tài sản có hiệu quả theo đúng mục đích và tôn chỉ của Quỹ.

7. Giúp đỡ người cao tuổi nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc phối hợp với các loại hình trợ giúp người cao tuổi dựa vào cộng đồng như mô hình nhà xã hội, nhà dưỡng lão, nhà điều dưỡng - phục hồi chức năng, trung tâm chăm sóc ban ngày, dịch vụ chăm sóc tại nhà và bệnh viện.

8. Giúp người cao tuổi tăng thu nhập thông qua việc hỗ trợ tích lũy về vật chất cho tuổi già như nâng cao nhận thức cho người lao động và cộng đồng doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật Lao động, đảm bảo quỹ hưu trí, thực hiện tốt an toàn lao động để đảm bảo sức khỏe tuổi già; quỹ hưu trí tự nguyện cho các đối tượng lao động không chính thức, các dịch vụ hỗ trợ phi tài chính.

9. Giúp người cao tuổi nhận được những hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe thông qua việc hợp tác với các cơ sở chăm sóc người cao tuổi và cộng đồng để có những chương trình khám chữa bệnh ban đầu.

10. Giúp người cao tuổi tham gia một cách chủ động và nhận được sự hỗ trợ của các chương trình phát triển thông qua các chương trình cứu trợ khẩn cấp và các hoạt động vận động chính sách để các quyền và nguyện vọng của người cao tuổi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nhà tài trợ quan tâm.

11. Giúp người cao tuổi an hưởng tuổi già, có thái độ sống tích cực, sống vui, khoẻ và có ích thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - cộng đồng - xã hội.

12. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các tổ chức hoạt động vì người cao tuổi, tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quỹ
3. Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ và các bộ phận chuyên môn.
4. Ban Kiểm soát Quỹ.
5. Văn phòng đại diện, chi nhánh.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên do sáng lập viên thành lập Quỹ đề cử. Việc thay đổi thành viên, xem xét bổ sung thêm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do sáng lập viên thành lập Quỹ xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 5 năm, trừ trường hợp người đó từ chức, không đủ tư cách hoặc bị bãi nhiệm trước khi hết nhiệm kỳ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Thông qua kế hoạch, phương hướng hoạt động của Quỹ;
- b) Thông qua danh sách các đối tượng được tuyển chọn tài trợ;
- c) Huy động các nguồn vốn hợp pháp cho Quỹ;
- d) Quyết định tổ chức các hoạt động xã hội để gây Quỹ;
- đ) Kiểm tra, xem xét, xác định phương châm điều hành và kế hoạch hoạt động của Quỹ;
- e) Xác định cơ cấu tổ chức của Quỹ;
- g) Bầu Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;
- h) Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ;
- i) Ban hành và chỉ đạo thực hiện các quy định về sử dụng nguồn thu của Quỹ;
- k) Phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ và kế hoạch tài chính của năm tiếp theo;
- l) Tổ chức thực hiện quyết định sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, đổi tên, tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động và giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật;
- m) Kiểm tra, giám sát việc thu chi tài chính và quyết toán của Quỹ;
- n) Quyết định những vấn đề khác theo Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và quyết định tất cả vấn đề liên quan đến Quỹ;
- b) Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 06 (sáu) tháng một lần;
- c) Nếu có vấn đề phát sinh, bất cứ thành viên nào trong Hội đồng quản lý Quỹ cũng có thể triệu tập họp Hội đồng bằng cách gửi thư thông báo trước ít nhất một tuần cho các thành viên còn lại;
- d) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên tán thành. Trừ trường hợp quyết định bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) thành viên tán thành.

Điều 9. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ đưa ra quyết định tại các cuộc họp của mình với điều kiện phải có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ trở lên tham gia, các quyết định này có hiệu lực khi ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên tán thành. Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ sẽ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được triệu tập và tổ chức theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp đặc biệt, cuộc họp bất thường được tổ chức theo yêu cầu của tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng chủ trì. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền chủ trì cuộc họp.

4. Việc triệu tập cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được thông báo đến toàn bộ thành viên của Hội đồng tối thiểu trước 10 ngày.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải được tổ chức tại địa điểm của trụ sở đã đăng ký. Trong trường hợp có sự thống nhất của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, cuộc họp có thể được tổ chức tại địa điểm khác.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam do các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ bầu với số phiếu trên 1/2 (một phần hai) số thành viên hội đồng tán thành, là người đại diện cao nhất của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Điều hành, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng quản lý Quỹ, bổ nhiệm: Giám đốc; Phó Giám đốc điều hành Quỹ; Trưởng, Phó Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ và các bộ phận chuyên môn, người phụ trách Kế toán Quỹ. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ cùng nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ bầu với số phiếu trên 1/2 (một phần hai) số thành viên tán thành, giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo chỉ đạo của Chủ

tịch và trong trường hợp cần thiết, theo sự uỷ quyền của Chủ tịch, thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì và điều hành các cuộc họp, điều hành việc triển khai nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ khác của một thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ và các bộ phận chuyên trách

1. Giám đốc Quỹ là công dân Việt Nam và do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; nhiệm kỳ Giám đốc Quỹ không quá 5 (năm) năm. Giám đốc Quỹ là người đại diện trước pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Quỹ.

2. Chức năng và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Thực hiện theo đúng kế hoạch đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, điều hành và quản lý các hoạt động thường xuyên của Quỹ;

c) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, quản lý tài chính và tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Báo cáo định kỳ các hoạt động về tài chính, tài sản của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định thành lập Quỹ;

đ) Ký các văn bản trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm được giao và chịu trách nhiệm về những văn bản đã ký; làm chủ tài khoản Quỹ.

3. Phó Giám đốc Quỹ là người được Giám đốc lựa chọn đề cử lên Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm. Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp việc Giám đốc, hoàn thành nhiệm vụ được Giám đốc giao, thay mặt Giám đốc giải quyết các công việc của Quỹ khi Giám đốc vắng mặt và được Giám đốc ủy quyền điều hành bằng văn bản khi vắng mặt.

4. Phụ trách kế toán của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và căn cứ vào tiêu chuẩn do Bộ Tài chính quy định.

5. Các bộ phận chuyên trách do Giám đốc điều hành Quỹ đề nghị trong phạm vi quyền hạn được Hội đồng quản lý Quỹ quy định và do Chủ tịch Hội đồng quyết định, hoạt động dưới sự quản lý của Hội đồng quản lý Quỹ, bao gồm: Văn phòng, các phòng nghiệp vụ, chuyên môn.

Điều 13. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thành lập và bổ nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên Ban Kiểm soát Quỹ gồm Trưởng ban, 01 (một) Phó ban và tối thiểu 01 (một) thành viên.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát Quỹ:

a) Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật liên quan;

b) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động và tình hình tài chính của Quỹ;

c) Tiếp nhận, đề xuất, tham mưu cho Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 14. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Khi cần thiết, Quỹ có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại khu vực khác ngoài nơi đặt trụ sở chính theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật. Hội đồng quản lý Quỹ quy định về trách nhiệm, quyền hạn của chi nhánh và văn phòng đại diện.

Chương IV QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

Điều 15. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn tiền và tài sản đóng góp ban đầu của sáng lập viên thành lập Quỹ.

2. Thu từ các khoản đóng góp tự nguyện hoặc tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiền và tài sản của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy quyền cho Quỹ tài trợ có mục đích theo địa chỉ cụ thể, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Thu từ lãi suất tiền gửi ngân hàng (từ tiền gửi định kỳ) hoặc lãi trái phiếu Chính phủ.

5. Thu từ các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Các kế hoạch tài chính về huy động, quản lý quỹ được ưu tiên quyết định theo ý kiến của thành viên sáng lập Quỹ.

Điều 16. Sử dụng Quỹ

1. Chi cho hoạt động để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ theo quy định tại các Điều 5, 6 Điều lệ này.

2. Tổ chức các hoạt động theo kế hoạch hướng đến các đối tượng của Quỹ.

3. Tài trợ theo sự uỷ nhiệm của tổ chức, cá nhân và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật.

4. Chi hoạt động quản lý Quỹ; chi phí duy trì trang web, cập nhật thông tin, in ấn, quảng bá, tuyên truyền cho hoạt động của Quỹ.

5. Việc sử dụng Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định, trên cơ sở phương hướng, nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

Điều 17. Nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ

1. Chi lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý Quỹ.

2. Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định.

3. Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có).

4. Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của Quỹ.

5. Chi thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, điện thoại, internet, nước, nhiên liệu, vệ sinh, môi trường...).

6. Chi công tác phí khi đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ.

7. Chi cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ (tiền thuê kho, bến bãi; chi phí đóng thùng, vận chuyển hàng hoá; chi phí chuyển tiền; chi phí liên quan đến phân bổ tiền, hàng cứu trợ v.v..).

8. Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

9. Các nội dung chi cho hoạt động quản lý Quỹ tối đa không quá 5% (năm phần trăm) trên tổng số thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng). Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho công tác quản lý vượt quá 5% trên tổng số thu hàng năm của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi hoạt động quản lý Quỹ trong năm, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

Điều 18. Quản lý tài chính, tài sản của Quỹ

1. Quỹ phải tổ chức và thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, chấp hành các chế độ, quy định về hoá đơn chứng từ kế toán.

2. Mở sổ ghi đầy đủ danh sách, số tiền, hiện vật mà các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho Quỹ cũng như được nhận tài trợ của Quỹ.

3. Lập và gửi đầy đủ, đúng thời hạn các báo cáo tài chính theo định kỳ và quyết toán hàng năm của Quỹ theo quy định cho cơ quan cho phép thành lập Quỹ và cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra về việc thu, quản lý và sử dụng Quỹ của cơ quan tài chính có trách nhiệm quản lý Quỹ. Cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ quan quản lý của Nhà nước khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ tình hình tài chính của Quỹ.

6. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng nguồn thu, các định mức chi tiêu của Quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho công tác quản lý Quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm công khai tình hình hoạt động tài chính của Quỹ hàng quý, năm, cụ thể như sau:

- a) Quy chế hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ;
- b) Kế hoạch tài chính hàng năm, trong đó chi tiết các khoản thu, chi có quan hệ với ngân sách nhà nước theo quy định của cấp có thẩm quyền;
- c) Kết quả hoạt động của Quỹ;
- d) Danh sách, số tiền, hiện vật mà các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ cho Quỹ cũng như được nhận tài trợ của Quỹ;
- đ) Báo cáo tài chính hàng quý của Quỹ theo từng nội dung thu, chi;
- e) Quyết toán năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Quỹ phải thực hiện các quy định có liên quan đến tổ chức kế toán, hạch toán theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ kế toán - thống kê và theo Quy chế quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện do Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 10/2008/QĐ-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 19. Đối tượng nhận hỗ trợ của Quỹ

1. Người cao tuổi thuộc hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng.

2. Người cao tuổi sống đơn thân.

3. Người cao tuổi đang thực hiện nghĩa vụ chính chăm sóc con cháu thay bố mẹ chúng.

4. Người cao tuổi đang ốm đau, bệnh tật vì bị bệnh kinh niên.

5. Người cao tuổi bị tàn tật.

6. Người cao tuổi có công với cách mạng.

Điều 20. Xử lý tài sản của Quỹ khi sáp nhập, hợp nhất; chia, tách, giải thể, tạm đình chỉ và đình chỉ hoạt động

Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể; tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hoạt động, việc xử lý tài sản của Quỹ phải tuân theo Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Chương V
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

Điều 21. Khen thưởng

Những tổ chức, cá nhân tham gia tích cực, có nhiều đóng góp thiết thực, có hiệu quả cho hoạt động của Quỹ sẽ được đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ khen thưởng.

Điều 22. Kỷ luật

Tổ chức và cá nhân vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Sửa đổi bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được thông qua Hội đồng quản lý Quỹ và lập thành văn bản có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ Nhân ái người cao tuổi gồm 6 Chương, 24 Điều có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ đã được công nhận, Hội đồng quản lý Quỹ Nhân ái người cao tuổi có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện bản Điều lệ này. /.